

Bản án số: **482/2022/DS - ST**
Ngày: 29-9-2022
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản
(tranh chấp hợp đồng tín dụng)

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Minh Tường.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đoàn Văn Rỹ và bà Thái Thục Hiền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Mỹ Phúc - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 248/2019/TLS - DS ngày 20 tháng 5 năm 2019 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản (Tranh chấp hợp đồng tín dụng)” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 347/2022/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 269/2022/QĐXXST-DS-HPT ngày 12 tháng 9 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q;**

Địa chỉ trụ sở chính của nguyên đơn: Số A đường B, phường C, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội;

Địa chỉ Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh của nguyên đơn: Số D đường Đ, phường E, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn: Ông **K** - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q;

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà **Trần Thị Kh** theo Văn bản ủy quyền số: 20/2020/UQ-CT ngày 22/6/2020 của nguyên đơn và ông **Đoàn Anh T** và theo Văn bản ủy quyền số: 05/2020/UQ-GĐK-TDTD ngày 13/8/2020 của bà Trần Thị Nguyệt Kh ủy quyền lại cho ông Đoàn Anh T (Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt).

- Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị Tr**, sinh ngày 02/09/1969 (Vắng mặt);

Giấy chứng minh nhân dân số: 023654602 do Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 03/3/2004;

Căn cước công dân số: 093169008902;

Địa chỉ thường trú/ liên lạc: Số L đường M, Phường N, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ngày 16 tháng 4 năm 2019, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q (sau đây gọi tắt là Ngân hàng Q) có đơn khởi kiện gửi đến Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh yêu cầu Tòa án giải quyết về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản (tranh chấp hợp đồng tín dụng) với bà Nguyễn Thị Tr (sau đây gọi tắt là bà Tr).

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là Ngân hàng Q trình bày yêu cầu khởi kiện như sau:

Ngày 04 tháng 6 năm 2014, bà Tr có làm Đơn đề nghị mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ, vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng để vay vốn tiêu dùng cá nhân và được Ngân hàng Q chấp nhận cho bà Tr vay vốn; Ngân hàng Q và bà Tr đã ký kết Đơn đề nghị mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ, vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng số (Số hiệu hồ sơ): 205735 đề ngày 04 tháng 6 năm 2014, nội dung hợp đồng có ghi nội dung Khoản vay tiêu dùng theo yêu cầu của bà Tr số tiền 28.000.000 đồng, lãi suất cho vay là 60%/01 năm (5,0%/tháng), phí bảo hiểm 1.400.000 đồng, tổng số tiền vay là 29.400.000 đồng, thời hạn vay là 24 tháng, khoản trả hàng tháng là 2.131.000 đồng cho đến khi trả xong nợ trong thời hạn 24 tháng kể từ khi vay; ngày 10 tháng 6 năm 2014, Ngân hàng Q đã phê duyệt cho bà Tr vay và giải ngân cho bà Tr nhận đủ số tiền 29.400.000 đồng (Hai mươi chín triệu bốn trăm nghìn đồng). Theo thỏa thuận của hợp đồng thì bà Tr có trách nhiệm thanh toán số tiền 51.129.000 đồng (gồm cả gốc và lãi), trả chậm liên tục trong 24 tháng cho đến khi trả xong nợ (23 tháng đầu mỗi tháng bà Tr phải trả cho Ngân hàng Q số tiền 2.131.000 đồng, tháng cuối cùng trả số tiền 2.116.000 đồng), bắt đầu thực hiện việc thanh toán vào ngày 10 (Mười) dương lịch hàng tháng và bắt đầu thực hiện từ ngày 10 tháng 7 năm 2014. Trong quá trình thực hiện hợp đồng vay, bà Tr đã trả cho Ngân hàng Q được số tiền 25.141.000 đồng; kể từ ngày 29 tháng 6 năm 2016 đến nay, bà Tr không thanh toán thêm được bất cứ khoản tiền nào cho Ngân hàng Q. Bà Tr đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán (trả nợ) theo nội dung đã cam kết trong hợp đồng vay, Ngân hàng Q đã nhiều lần nhắc nhở và yêu cầu bà Tr thanh toán số tiền còn nợ nhưng đến nay bà Tr vẫn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán (trả nợ) cho Ngân hàng Q. Bà Tr đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán (trễ hạn thanh toán), nên Ngân hàng Q yêu cầu Tòa án buộc bà Tr phải thanh toán (trả nợ) ngay một lần số tiền còn nợ là 25.988.000 đồng {Hai mươi lăm triệu chín trăm tám mươi tám nghìn đồng (trong số tiền này có 19.009.318 đồng là khoản tiền còn nợ gốc và 6.978.682 đồng là khoản tiền lãi)}; ngoài số tiền này ra thì Ngân hàng Q không yêu cầu bà Tr phải thanh toán thêm khoản tiền nào khác.

Ngân hàng Q đã cung cấp tài liệu chứng cứ cho Tòa án gồm có: Đơn đề nghị mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ, vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng số (Số hiệu hồ sơ): 205735 đề ngày 04 tháng 6 năm 2014 đã được ký kết giữa Ngân hàng Q (bên cho vay) với bà Tr (bên vay); Điều khoản và điều kiện dành cho khách hàng vay tiêu dùng cá nhân, mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ đã được bà Tr ký xác nhận vào ngày 04 tháng 6 năm 2014; Văn bản Phê duyệt cho vay đề ngày 10 tháng 6 năm 2014 của Ngân hàng Q; bản sao không chứng thực sổ hộ khẩu và giấy chứng minh nhân dân của bà Tr; Bảng kế hoạch trả nợ và sao kê Lịch sử thanh toán của bà Tr cho Ngân hàng Q.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Tr không đến Tòa án làm việc để trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn (Ngân hàng Q), trình bày yêu cầu phản tố (nếu có), cung cấp tài liệu, chứng cứ có liên quan đến vụ án, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải mặc dù đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần, nên Tòa án không ghi được ý kiến của bà Tr.

Ngày 15 tháng 9 năm 2022, nguyên đơn (Ngân hàng Q) có Đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn vắng mặt có Đơn đề nghị xét xử vắng mặt gửi cho Tòa án trước khi mở phiên tòa, do nguyên đơn vắng mặt nên Hội đồng xét xử không ghi nhận được ý kiến của nguyên đơn.

Bị đơn là bà Tr vắng mặt không rõ lý do, nên Hội đồng xét xử không ghi nhận được ý kiến của bị đơn.

Về việc bị đơn vắng mặt tại phiên tòa: Tòa án đã thực hiện thủ tục tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng dân sự gồm: Thông báo về việc thụ lý vụ án, Giấy triệu tập đương sự, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa đối với bị đơn (bà Tr) theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nhưng bị đơn (bà Tr) vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Do các đương sự vắng mặt tại phiên tòa, nên phần tranh luận của các đương sự tại phiên tòa không thực hiện được.

Hội đồng xét xử đã công bố các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa đã phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong thời gian chuẩn bị xét xử: Tòa án nhân dân Quận 8 thụ lý giải quyết vụ án sơ thẩm đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 26, 35 và 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; việc xác định quan hệ pháp luật tranh chấp của vụ án là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản (tranh chấp hợp đồng tín dụng)” đúng quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; việc xác định tư cách người tham gia tố tụng của đương sự đúng quy định tại Điều 68 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; việc xác minh, thu thập chứng cứ, giao nhận chứng cứ đảm bảo đúng quy định tại các Điều 93, 94, 95, 96 và 97 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Trình tự thủ tục khởi kiện và thụ lý vụ án đảm bảo đúng quy định tại các Điều 195, 196, 197 và 198 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Thủ tục hòa giải đảm bảo đúng quy định tại các Điều 205, 206, 207, 208, 209, 210 và 211 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Việc cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát và những người tham gia tố tụng đảm bảo đúng quy định tại các Điều 170, 171, 172, 173, 174, 175, 177, 178 và 179 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

+ Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án dân sự, thủ tục tố tụng tại phiên tòa đúng trình tự luật định (đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 239, 241, 247, 254 và 262 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015). Việc Hội đồng xét xử tiến hành việc xét xử vắng mặt các bên đương sự sau khi đã tổng đạt các văn bản tố tụng dân sự hợp lệ là đúng thủ tục tố tụng theo quy định tại các Điều 227 và 228 của Bộ luật tố Tụng dân sự năm 2015.

- Việc tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi Tòa án thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

+ Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tại các Điều 70 và 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

+ Bị đơn chưa chấp hành đúng các quy định của pháp luật tại các Điều 70, 72, 199, 200 và 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Quan điểm của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai và trình bày của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử xét xử vụ án theo hướng: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền và thủ tục xét xử vắng mặt các đương sự:

- *Về quan hệ tranh chấp*: Xét nội dung khởi kiện của nguyên đơn, Tòa án xác định đây là vụ án dân sự về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản (tranh chấp hợp đồng tín dụng)”.

- *Về thẩm quyền giải quyết*: Bị đơn có nơi thường trú và đang cư trú tại Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết sơ thẩm của Tòa án nhân dân Quận 8 theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 36 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- *Về thủ tục xét xử vắng mặt các đương sự*:

Trong quá trình tố tụng giải quyết vụ án này, Tòa án đã thực hiện thủ tục tổng đạt hợp lệ cho bị đơn là bà Tr các văn bản tố tụng dân sự gồm có: Thông báo về việc thụ lý vụ án, Giấy triệu tập đương sự, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa tại nơi cư trú của bà Tr theo đúng quy định tại khoản 5 Điều 177, 179, 196, 208, khoản 2 Điều 220 và khoản 3 Điều 233 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nhưng bị đơn là bà Tr vẫn vắng mặt tại phiên tòa.

Đối với nguyên đơn, trước khi mở phiên tòa đã trình bày yêu cầu khởi kiện, có lời khai về vụ án, cung cấp được tài liệu, chứng cứ cho Tòa án để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là có căn cứ, hợp pháp, đầy đủ và có Đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự là đúng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về yêu cầu của đương sự:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp có trong hồ sơ vụ án gồm có Đơn đề nghị mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ, vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng số (Số hiệu hồ sơ): 205735 đề ngày 04 tháng 6 năm 2014 đã được ký kết giữa Ngân hàng Q (bên cho vay) với bà Tr (bên vay); Điều khoản và điều kiện dành cho khách hàng vay tiêu dùng cá nhân, mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ đã được bà Tr ký xác nhận vào ngày 04 tháng 6 năm 2014; Văn bản Phê duyệt cho vay đề ngày 10 tháng 6 năm 2014 của Ngân hàng Q; bản sao không chứng thực sổ hộ khẩu và giấy chứng minh nhân dân của bà Tr; Bảng kế hoạch trả nợ và sao kê Lịch sử thanh toán của bà Tr cho Ngân hàng Q; Hội đồng xét xử nhận định việc bà Tr có vay của Ngân hàng Q số tiền 29.400.000 đồng (Hai mươi chín triệu bốn trăm nghìn đồng) là có thật; theo thỏa thuận của hợp đồng thì bà Tr có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng Q số tiền 51.129.000 đồng (gồm cả gốc và lãi), trả chậm liên tục trong thời gian 24 tháng cho đến khi trả xong nợ; quá trình thực hiện hợp đồng vay, bà Tr đã thanh toán (trả nợ) được cho Ngân hàng Q số tiền là 25.141.000 đồng, số tiền bà Tr còn nợ chưa thanh toán cho Ngân hàng Q là 25.988.000 đồng {Hai mươi lăm triệu chín trăm tám mươi tám nghìn đồng (trong số tiền này có 19.009.318 đồng là khoản tiền còn nợ gốc và 6.978.682 đồng là khoản tiền lãi)}.

Như vậy, yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Q là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận; Hội đồng xét xử buộc bà Tr phải thanh toán (trả nợ) số tiền này cho Ngân hàng Q .

Bị đơn là bà Tr đã không đến Tòa án để cung cấp chứng cứ, trình bày ý kiến để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, không tham gia phiên tòa sơ thẩm xét xử vụ án thì coi như là bà Tr đã từ bỏ quyền được cung cấp chứng cứ và chứng minh trong tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án ở Tòa án cấp sơ thẩm.

[3] Về quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Hội đồng xét xử thống nhất với quan điểm của Kiểm sát viên đã trình bày tại phiên tòa về hướng giải quyết vụ án.

[4] Về án phí:

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận, nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Bị đơn là bà Tr phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 1.299.500 đồng (Một triệu hai trăm chín mươi chín nghìn năm trăm đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 36; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 48; khoản 4 Điều 147; các Điều 227, 228, 232, 233, 235, 254, 264, 266, 267, 269, 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 305, 471, 472, 473 và khoản 1, 3, 5 Điều 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005;

Áp dụng các Điều 280, 351, 357, 400, 401, 468 và 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 91 và 95 của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 sửa đổi, bổ sung năm 2019;

Áp dụng Luật Thi hành án dân sự;

Áp dụng Nghị quyết số: 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm ;

Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q.

Buộc bà Nguyễn Thị Tr phải có nghĩa vụ thanh toán (trả nợ) cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q số tiền còn nợ là **25.988.000 đồng** {Hai mươi lăm triệu chín trăm tám mươi tám nghìn đồng (trong số tiền này có 19.009.318 đồng là khoản tiền còn nợ gốc và 6.978.682 đồng là khoản tiền lãi)} ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q có đơn yêu cầu thi hành án.

Việc thanh toán tiền do bà Nguyễn Thị Trinh và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q tự thực hiện hoặc được thực hiện tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền (Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án (bà Nguyễn Thị Tr) còn phải chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền chưa thanh toán để trả cho bên được thi hành án (Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q) theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của bên cho vay (Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q) thì lãi suất sẽ được tiếp tục điều chỉnh tại giai đoạn thi hành án.

Trường hợp bà Nguyễn Thị Tr không thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản tiền nêu trên cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền (Chi

cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền) giải quyết theo quy định của pháp luật về Thi hành án dân sự.

2. Về án phí:

Buộc bà Nguyễn Thị Tr phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là **1.299.500 đồng** (Một triệu hai trăm chín mươi chín nghìn năm trăm đồng) để sung quỹ Nhà nước, nộp tiền tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền (Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền).

Hoàn trả lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q số tiền tạm ứng án phí đã nộp là **650.000 đồng** (Sáu trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2018/ **0019646** ngày 17 tháng 5 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo và việc thi hành bản án:

Án xử công khai, nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q vắng mặt có lý do, bị đơn bà Nguyễn Thị Tr vắng mặt không rõ lý do.

Nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q và bị đơn là bà Nguyễn Thị Tr có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết (kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ), lên Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh để xin xét xử phúc thẩm.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo qui định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 8;
- Tòa án nhân dân Tp.Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân Tp.Hồ Chí Minh;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 8;
- Lưu Văn phòng và Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Minh Tường